

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN
TỈNH AN GIANG**

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua:

Mức nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng, diễn biến xu thế mực nước lên dần.

- Khu vực thượng nguồn sông Mekong (Kratie): Mực nước biến đổi chậm.

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước lên dần, biên độ nước lên trung bình khoảng 10cm/ngày; mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 09/9 ở mức cao hơn so với cùng kỳ năm 2024 từ 50-90cm, xấp xỉ và thấp hơn cùng kỳ TBNN từ 10-40cm.

- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): Mực nước lên nhanh theo triều, mực nước cao nhất ngày 09/9 thấp hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 30-75cm; mực nước thấp nhất cao hơn cùng kỳ năm 2024 từ 30-55cm, xấp xỉ và thấp hơn TBNN từ 05-20cm.

- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mực nước trên các kênh, rạch lên dần; mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 09/9 ở mức và cao hơn cùng kỳ năm 2024 từ 05-30cm, xấp xỉ và thấp hơn từ 05-50cm so với TBNN. Trên kênh Vĩnh Tế tại Xuân Tô, mực nước cao nhất và thấp nhất đều cao hơn từ 90-10cm so với cùng kỳ năm 2024, thấp hơn khoảng 30cm so với TBNN.

- Khu vực cửa sông: Trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô, mực nước dao động theo triều biển Tây, mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 09/9 ở mức xấp xỉ cùng kỳ năm 2024 và TBNN.

2. Dự báo, cảnh báo:

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Do ảnh hưởng lượng nước lũ sông Mekong truyền về nên mực nước trên các sông, kênh tiếp tục lên chậm trong những ngày tới.

- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: Mực nước cao có khả năng đạt đỉnh triều trong chiều tối ngày 10-11/9, sau đó xuống chậm, mực nước cao nhất tại Long Xuyên ở mức trên BĐIII từ 05-10cm, tại Chợ Mới trên BĐII từ 20-30cm, tại Vàm Nao trên dưới BĐII từ 05-10cm.

- Khu vực nội đồng TGLX: Mực nước cao nhất và thấp nhất trên các kênh, rạch lên dần; trên kênh Vĩnh Tế tại Xuân Tô, biên độ nước lên trung bình từ 08-10cm/ngày.

- Vùng cửa sông: Trên sông Cái Lớn - Cái Bé, dao động theo triều biển Tây với xu thế lên chậm.

- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Có khả năng xuất hiện hiện tượng ngập, úng cục bộ trong đô thị tại Long Xuyên và Rạch Giá khi xuất hiện mưa lớn, triều cường, nước dâng.

- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Các hiện tượng thủy văn nguy hiểm gây ảnh hưởng đến các hoạt động dân sinh, kinh tế - xã hội tại địa phương.

3. Ghi chú:

Thông tin dự báo được đăng trên website: <http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van>

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 11/09/2025

Tin phát lúc: 11h30'

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phạm Thị Diệu Ngọc

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Bảng 1.1a: Mực nước thực đo và dự báo các trạm trong vùng ảnh hưởng triều

Đơn vị: cm

sông, kênh, rạch	Trạm	Cấp báo động lũ			Mực nước thực đo ngày 09/09						Dự báo mực nước cao nhất					Dự báo mực nước thấp nhất				
					Hmin			Hmax			10/9	11/9	12/9	13/9	14/9	10/9	11/9	12/9	13/9	14/9
		BĐI	BĐII	BĐIII	Trị số	So với cùng kỳ 2024	So với TBNN	Trị số	So với cùng kỳ 2024	So với TBNN										
Tiền	Tân Châu	350	400	450	277	77	-41	321	87	-14	327	331	333	333	332	287	295	301	307	311
Ông Chường	Chợ Mới	200	250	300	180	54	-3	269	72	44	273	275	274	272	268	191	199	203	207	209
Hậu	Khánh An	420	470	520	404	67	10	411	69	17	417	421	423	424	424	411	418	420	420	419
	Châu Đốc	300	350	400	226	50	-43	283	60	-6	292	296	298	298	297	236	244	250	256	260
	Long Xuyên	190	220	250	133	33	19	251	57	62	255	258	257	254	249	145	153	157	161	163
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	188	52	-17	275	74	34	280	283	282	280	276	205	213	217	221	223
Vinh Tế	Xuân Tô	300	350	400	212	89	-31	222	98	-32	231	239	245	251	255	220	229	237	243	250
	Vinh Gia	200	240	280	91	27	-35	94	22	-46	96	98	100	103	106	92	93	95	98	101
	Vinh Điều	170	200	230	78	21	5	83	18	-4	84	85	87	89	92	79	80	82	84	87
T3	Vinh Phú	150	180	210	75	10	-2	80	8	-3	81	82	83	85	87	76	77	79	81	83
T5	Nông Trường	160	190	220	84	14	1	89	12	1	90	91	92	94	96	85	86	88	90	92
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	131	23	-34	134	21	-36	138	142	145	147	149	133	137	141	143	145
	Cô Tô	140	180	220	123	14	-4	126	11	-4	127	129	131	134	137	124	126	128	131	134
	Nam Thái Sơn	90	120	150	80	2	-	84	2	-	85	86	88	90	92	81	82	84	86	88
Tám Ngàn	Lò Gạch	170	210	250	89	19	-39	92	18	-42	94	96	99	102	106	90	92	94	97	101
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	135	19	5	144	16	14	146	148	151	155	159	137	139	142	146	150
Núi Chóc Năng Gù	Vinh Hanh	190	230	270	187	45	5	204	41	11	206	209	212	216	220	190	193	196	200	204
Rạch Giá Long Xuyên	Núi Sập	140	180	220	130	28	-3	142	19	1	143	145	147	150	154	131	133	135	138	141
	Tân Thành	120	150	180	102	13	17	110	10	16	111	112	114	116	118	103	105	107	109	110
Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	150	85	7	21	87	7	16	88	90	91	92	94	86	88	89	90	92
Kiên	Rạch Giá	70	80	90	0	-1	6	55	9	7	56	58	56	54	50	-3	0	3	5	4
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	100	-13	-2	8	41	-6	-6	55	61	60	62	64	-18	-26	-27	-28	-29

Phụ lục 2: Đường quá trình diễn biến mực nước thực đo và dự báo các trạm





